

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 17- 5 - 2022
V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Nhựt**
2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST- DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Th (T)**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 253 Đường M, KP. M, P.V, TP. R, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền : bà **Dương Thị H**, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: 18 D Bà Tr, phường V, thành phố R, tỉnh K.

2. **Bị đơn:** Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1968 và bà **Ngô Thị M**, sinh năm 1972.
(Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Ch, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-10-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th (T) cũng như người đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên vào năm 2014 bà Th có đầu tư tiền cho ông S, bà M để làm chi phí đi

đánh bắt hải sản, khi ghe về bán cá cho bà, thời điểm này bà đầu tư 01 cặp ghe, vợ chồng ông S vẫn bán cá đầy đủ cho bà.

Đến năm 2020 bà đầu tư thêm cho vợ chồng ông S 01 cặp ghe nữa, tổng cộng trước sau bà đưa tiền cho vợ chồng ông S, bà M là : 1.650.000.000đ, vợ chồng ông S, bà M có ký biên nhận ngày 20-12-2020 al (nhằm ngày 01-02-2021dl). Sau khi ký biên nhận, ông S cân cá cho bà được 2 lần vào tháng 3/2021 và trừ tiền cân cá được số tiền 460.000.000đ, rồi không cân cá cho bà nữa. Bà có gặp vợ chồng ông S để yêu cầu trả tiền lại vì vợ chồng ông S không còn cân cá cho bà nữa, ông S hứa trả nhưng không trả đủ. Tháng 4/2021 ông S trả 100.000.000đ; tháng 10/2021 trả 100.000.000đ; tháng 11, 12 năm 2021 và tháng 1/2022, 3 lần trả được số tiền 340.000.000đ, còn nợ lại 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, bà Dương Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th (T) có yêu cầu : Tòa án xem xét buộc ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M trả cho bà Nguyễn Thị Th (T) số tiền: 650.000.000đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), không yêu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M trình bày: Vào năm 2014 bà Th có đầu tư tiền cho vợ chồng ông, bà đánh bắt hải sản, sau đó ghe về bán cá lại cho bà Th. Sau đó đến năm 2019 tiếp tục đầu tư thêm một tàu nữa, tổng số tiền bà Th đầu tư cho 02 tàu của ông, bà với số tiền 1.650.000.000đ. Trong quá trình hai bên làm ăn vợ chồng ông, bà khi bán hải sản sau các chuyến tàu đánh bắt về và trả tiền dần nhiều lần cho bà Th đến tháng 1/2022 thì vợ chồng ông, bà còn nợ lại bà Th số tiền 650.000.000đ.

Do hiện nay 01 cặp tàu của gia đình ông, bà đã bị bắt, chỉ còn lại 01 cặp nên không còn khả năng trả số tiền nợ còn lại cho bà Th. Trường hợp này ngoài ý muốn, nên xin bà Th sẽ trả mỗi tháng 3.000.000đ đến khi dứt số tiền nợ 650.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M có yêu cầu: Thừa nhận hiện nay còn nợ bà Th (T) số tiền 650.000.000đ, nhưng yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đến khi dứt số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Th (T) đã khởi kiện ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Ch, tỉnh K. Do đó nguyên đơn đã thực hiện quyền khởi kiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th (T) yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M trả số tiền còn nợ là: 650.000.000đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), không yêu tính lãi. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “Tranh chấp đòi tài sản”.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th (T) có yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M trả cho bà số tiền: 650.000.000đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), không yêu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M có yêu cầu: Thừa nhận hiện nay còn nợ bà Th (T) số tiền 650.000.000đ, nhưng xin được trả dần mỗi tháng số tiền 3.000.000đ đến khi dứt số tiền 650.000.000đ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: bà Nguyễn Thị Th (T) có cho vợ chồng ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M mượn số tiền tổng cộng là 1.650.000.000đ để tạm ứng cho vợ chồng ông S và bà M khi bán hải sản sau các chuyến tàu đánh bắt về và trả tiền dần nhiều lần cho bà Th, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc. Bà Nguyễn Thị Th (T) đã giao đủ cho vợ chồng ông S và bà M số tiền tổng cộng là 1.650.000.000đ. Vợ chồng ông S và bà M đã nhận đủ số tiền trên và đã bán hải sản sau các chuyến tàu đánh bắt về và trả tiền dần nhiều lần cho bà Th đến tháng 1/2022 thì vợ chồng ông S và bà M còn nợ lại bà Th số tiền 650.000.000đ.

Như vậy, vợ chồng ông S và bà M đã nhận được tài sản và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình nên cần buộc vợ chồng ông S và bà M phải trả cho bà Nguyễn Thị Th (T) số tiền 650.000.000 đồng là phù hợp với Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu xin bà Th (T) cho trả trả dần mỗi tháng số tiền 3.000.000đ đến khi dứt số tiền 650.000.000đ của vợ chồng ông S và bà M là không có cơ sở chấp nhận, vì sẽ kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Mặt khác, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Dương Thị Hoa cũng không đồng ý với yêu cầu của vợ chồng ông S và bà M.

Về lãi suất bà Th không yêu cầu ông S, bà M phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th (T) buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th (T) số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp.

Đối với yêu cầu trả nợ dần của các đương sự không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, do yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cụ thể là 650.000.000 đồng = 20.000.000đ + 4% x 250.000.000đ = 30.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Th (T) không phải chịu án phí; Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th (T) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 15.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001017 ngày 26-01-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 166, 351; 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th (T) về việc “Tranh chấp đòi tài sản” đối với bị đơn vợ chồng ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M.

2- Buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th (T) số tiền vốn gốc 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3- Về án phí: Buộc bị đơn ông Lê Văn S và bà Ngô Thị M phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Th (T) không phải chịu án phí; Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th (T) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo

biên lai thu tiền số 0001017 ngày 26-01-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ; V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thúy Hằng